

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **165** /2025/HC-ST.

Ngày: 18/4/2025

*Về việc: Khiếu kiện các Quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Hưng

Bà Bùi Thị Thu Giang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 314/2019/TLST-HC ngày 29/10/2019, về khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXX-HC ngày 13/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HC ngày 28/3/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Ông Lưu Danh H, sinh năm 1956

Địa chỉ: Tổ A, N, M, N, Hà Nội.

Ủy quyền cho bà **Bùi Thị H1**, sinh năm 1956, trú tại: Tổ A, N, M, N, Hà Nội (ĐT: 0383552968).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:*

Luật sư **Nguyễn Văn Á** - Văn phòng L, địa chỉ: 2 T, Đ, Hà Nội

Người bị kiện:

UBND quận N, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: A Hồ T, M, N, Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường M, quận N, Hà Nội.

2. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1956
 3. Anh Lưu Danh Q, sinh năm 1982
 4. Anh Lưu Danh Q1, sinh năm 1983
 5. Chị Hà Thị T, sinh năm 1983
 6. Chị Trần Như Q2, sinh năm 1987
 7. Anh Lưu Danh P, sinh năm 2006
- Cùng địa chỉ: Tổ A, N, M, N, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện và người đại diện ủy quyền trình bày như sau:

Năm 1987, gia đình chúng tôi được UBND xã M, huyện T, Hà Nội giao đất nông nghiệp tại địa phương, tổng diện tích đất nông nghiệp được giao 878m², gia đình tôi đã sử dụng ổn định diện tích đất nêu trên từ năm 1987 cho đến nay, diện tích đất nêu trên chưa được UBND huyện T cũng như UBND quận N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật, chính phủ ban hành Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993, UBND xã M và UBND huyện T cũng không giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, vì địa bàn xã M là vùng phát triển đô thị nên không chia lại đất nông nghiệp, gia đình chúng tôi vẫn sử dụng ổn định từ năm 1987 cho đến nay, không có quyết định thu hồi đất, không tranh chấp với ai, không thuê, thầu với địa phương, không được UBND xã, phường cho thuê hoặc cho thầu.

Hiện nay diện tích 326m² đất nông nghiệp nêu trên nằm trong chỉ giới phải giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Xây dựng Trụ sở Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội và Cụm kho vật chứng Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội và Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy (gọi tắt là Trụ sở).

Ngày 13/12/2018, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 6272/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở (gọi tắt là Quyết định số 6272/QĐ-UBND).

Nội dung Quyết định:

" Điều 1. Thu hồi toàn bộ 326m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 tại phường M, do hộ gia đình ông Lưu Danh H, hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố A N, phường M đang sử dụng. Trong đó có 170m² đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 156m² đất nông nghiệp công ích do UBND phường M quản lý.

Lý do thu hồi đất: Để hiện dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở tại phường M, quận N...."

Theo nội dung quyết định nêu trên, gia đình tôi không đồng ý với phần diện tích đất là 156m² đất nông nghiệp công ích do UBND phường M 1 quản lý, vì diện tích đất 156m² do Hợp tác xã nông nghiệp xã M và UBND xã M giao đất nông nghiệp cho gia

đình từ năm 1987, gia đình không được UBND xã M (nay UBND phường M) cho thuê hoặc cho thuê đối với quỹ đất công ích của phường, và đây cũng không phải là quỹ đất công ích do phường quản lý.

Ngày 13/12/2018, UBND quận N ban hành Quyết định số 6276/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở (gọi tắt là Quyết định số 6276/QĐ- UBND).

Nội dung Quyết định:

"Điều 1: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Trụ sở tại phường M, quận N đối với người sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất bị thu hồi. Cụ thể như sau:

1. Họ và tên người sử dụng đất, sở hữu tài sản bị thu hồi: Hộ gia đình ông H.

2. Địa chỉ nơi thu hồi đất: Tổ dân phố số A N, M, N.

3. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận là: 267.349.200đồng.

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)

Nguồn kinh phí thực hiện: từ ngân sách Nhà nước do Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội chi trả...."

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

Tiền bồi thường về đất:

- $170m^2 \times 252.000đ/1m^2 \times 100\% = 42.840.000đ$ ồng

- $156m^2 \times 252.000đ/1m^2 \times 10\% = 3.931.200đ$ ồng

Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất (Theo Điều 22, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H): $252.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ lần} = 1.260.000đ$ ồng/ $1m^2$

- $170m^2 \times 1.260.000đ = 214.200.000 \text{ đồng}$

- $156m^2$ không được hưởng tiền hỗ trợ.

Tiền hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất (Theo Điều 21, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H) gia đình có 09 nhân khẩu nhưng không được hưởng.

Gia đình tôi hoàn toàn không đồng ý với Quyết định số 6276/QĐ-UBND với lý do sau:

Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND quận N, về việc thu hồi đất cho rằng $156m^2$ đất nông nghiệp của gia đình tôi được giao là công ích do UBND phường M quản lý là không đúng, vì gia đình tôi không thuê, không thuê đất công ích của xã, phường, từ năm 1987 gia đình tôi được giao đất nông nghiệp chưa có một quyết định nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất $156m^2$ đất của gia đình tôi để sử dụng vào mục đích đất công ích của xã, phường M.

Quyết định số 6276/QĐ-UBND thì diện tích đất $156m^2$ bị thu hồi được phê duyệt trong phương án không cho gia đình tôi được hưởng 100% giá đất nông nghiệp là $252.000đ/1m^2$ và không cho gia đình tôi được hưởng hỗ trợ tiền đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất với giá đất trong bảng giá đất là $252.000đ/1m^2 \times 05 \text{ lần} = 1.260.000đ/1m^2$. Không cho 09 nhân khẩu gia đình tôi trực

tiếp sản xuất nông nghiệp được hưởng tiền hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất là không đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy Quyết định số 6272/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

2/ Hủy Quyết định số: 6276/QĐ-UBND ngày 13/12/2018.

Tôi cam đoan không đồng thời khiếu nại Quyết định nêu trên đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Quan điểm người bị kiện là UBND quận N:

1. Căn cứ pháp lý thực hiện dự án.

Quyết định số 2528/QĐ-BTP ngày 18/10/2013 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án.

Quyết định số 4019/QĐ-BTP ngày 31/12/2014 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình Trụ sở.

Biên bản xác định mốc giới trên thực địa của Sở T1 ngày 22/4/2015 để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở tại phường M, quận N;

Quyết định số 2870/QĐ-BTP ngày 23/11/2018 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở.

Thông báo thu hồi đất số 626/TB-UBND ngày 27/8/2015 của UBND quận N để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở tại phường M, quận N.

2. Dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Đây là dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước đã được UBND cấp tỉnh chấp thuận thuộc trường hợp thu hồi đất theo điều 62, Luật Đất đai năm 2013; phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm quận N, đã được UBND Thành phố phê duyệt tại các Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 29/01/2015; số Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 19/4/2016; số Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 và số Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/01/2018; Tiến độ thực hiện dự án: 2014 – 2021 theo Quyết định số 2870/QĐ- BTP ngày 23/11/2018 của Bộ Tư pháp. Như vậy, dự án này đủ điều kiện thu hồi đất theo điều 63, Luật Đất đai năm 2013.

3. Về phương án giao đất theo Nghị định 64/CP chung toàn xã:

Phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP chung toàn xã M số: 14/PA-GĐNN ngày 10/02/2000 của UBND xã M đã được UBND huyện T phê duyệt. Bình quân nhân khẩu toàn xã là 333m², xã M có 03 thôn, thôn P, thôn N, thôn Đ, trong đó thôn N có 35,2689ha đất nông nghiệp, giao cho 1.406 nhân khẩu, bình quân là 250m²/khẩu. Tuy nhiên “*Căn cứ vào tình hình thực tế của xã và kết quả họp bàn dân chủ từ Đảng ủy - HĐND - UBND - Hội đồng giao đất - HTX nông nghiệp xã M nhất trí đề nghị UBND huyện T cho xã được giao đất nông nghiệp trên cơ sở ổn định các hộ hiện đang nhận ruộng theo khoán 10, không giao theo bình quân mà giữ nguyên hiện trạng, không xáo trộn giữa các thôn, các hộ. Trong đó có rút bớt 7,6% diện tích đất nông nghiệp của các hộ có ruộng ở thời điểm triển khai Nghị định 64/CP (01/4/1999), (kể cả các hộ có diện tích do Nhà nước thu hồi đất, khi nhận tiền đền bù cũng thống*

nhất trả lại tiền 7,6% diện tích) để trả bù các hộ có diện tích đất nông nghiệp nằm trong quỹ đất không giao, đất công ích, đất giãn dân theo quy hoạch đã được Thành phố phê duyệt”.

4. Về việc sử dụng đất của hộ gia đình ông Lưu Danh H:

* Phương án giao đất theo Nghị định 64/CP năm 2000 của hộ gia đình ông Lưu Danh H thể hiện:

- Số khẩu trong hộ giao đất nông nghiệp: 04 nhân khẩu.
- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang quản lý, sử dụng là 2.702m² đất, trong đó:
 - + Diện tích rút 7,6% đất nông nghiệp công ích là 205m²,
 - + Diện tích đất nông nghiệp đã sử dụng, đã bị thu hồi và được bồi thường, hỗ trợ tại dự án Khu L, trước thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP là: 947m².
 - + Diện tích đất nông nghiệp được lấy về là: 672m².
 - + Diện tích đất đã được UBND huyện T giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số: 456/QĐ-UB ngày 30/3/2001 của UBND huyện T là 878m².

* Về quá trình quản lý, sử dụng đất của hộ gia đình:

Hộ gia đình ông Lưu Danh H sử dụng 2.702m² đất và diện tích đất đã bị thu hồi, được bồi thường, hỗ trợ tại các dự án trước là 1.253m², gồm:

+ 927m² đất nông nghiệp, trong đó có 878m² đất nông nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 49m² đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý bị thu hồi và đã được bồi thường, hỗ trợ tại dự án Khu L, bao gồm các thửa đất sau:

Thửa đất số 338; Tờ bản đồ số 13; Diện tích 177m²;

Thửa đất số 67; Tờ bản đồ số 20; Diện tích 568m²;

Thửa đất số 14; Tờ bản đồ số 20; Diện tích 133m²;

Thửa đất số 576; Tờ bản đồ số 13; Diện tích 49m²;

+ Toàn bộ 326m² đất thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13, nằm trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở tại phường M.

Hộ gia đình ông Lưu Danh H sử dụng 326m² đất thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13, từ thời điểm khoán 100, nhưng không được UBND xã M xét duyệt, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nằm trong quy hoạch đất công ích. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã M trước đây (đã được UBND huyện T phê duyệt), hộ gia đình phải trả ra diện tích 205m² (2.702m² x 7,6%) vào quỹ đất công ích, trong đó có 156m² thuộc một phần thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 và 49m² đất nông nghiệp công ích thuộc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 13, do UBND phường quản lý đã bị thu hồi và đã được bồi thường, hỗ trợ tại dự án Khu L.

156m² đất trong tổng số 326m² đất thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 được rút vào quỹ đất công ích; còn lại 170m² (326m² - 156m²) hộ gia đình được lấy về để đảm bảo đủ diện tích được lấy về là 672m² (*Sổ quản lý đất công do UBND xã M thống kê, lập năm 2013 hiện lưu tại UBND phường M cũng thể hiện diện tích 156m² thuộc*

thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 là diện tích đất UBND xã chưa ký hợp đồng cho thuê), đa số phần đất nông nghiệp công ích phân tán nhỏ lẻ nên UBND xã M không tổ chức ký hợp đồng thuê đất, đấu thầu sử dụng đất đối với các hộ gia đình sử dụng phần diện tích đất nông nghiệp công ích rút bù này. Các hộ gia đình vẫn trực tiếp sử dụng từ thời điểm kê khai đến nay; UBND xã M trước đây (nay là UBND phường M, M) theo dõi, quản lý trên cơ sở hồ sơ giao đất như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định 64/CP, sổ quản lý đất công do UBND xã quản lý, bảng kê việc sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định 64/CP...

5. Trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

Ngày 12/10/2018, Tổ công tác giải phóng mặt bằng dự án đã lập Biên bản số 60/BB-TCT điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai và tài sản trên đất đối với hộ gia đình ông Lưu Danh H. Hộ gia đình đã phối hợp điều tra, kiểm đếm và thống nhất với số liệu.

Ngày 29/10/2018, UBND phường M đã có Giấy xác nhận số 1328/GXN-UBND, xác định 326m² đất thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 nằm trong phạm vi thu hồi đất tại dự án đầu tư xây dựng Trụ sở tại phường M, quận N, trong đó có 170m² đất nông nghiệp của hộ và 156m² đất nông nghiệp công ích, do UBND phường quản lý.

Căn cứ số liệu điều tra tại Biên bản điều tra và Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội đã lập dự thảo phương án đối với hộ gia đình ông Lưu Danh H để thẩm tra dự thảo phương án theo quy định.

Ngày 09/11/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã ban hành Thông báo số: 241/TB-HĐ BTHT&TĐC về việc niêm yết công khai lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ Tổ công tác giải phóng mặt bằng đã tổ chức niêm yết công khai và lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 8), trong đó có dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình ông Lưu Danh H. Kết quả, gia đình đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tuy nhiên không đồng ý với tỷ lệ khấu trừ 7,6% đất nông nghiệp công ích.

Ngày 03/12/2018, Tổ công tác đã mời các hộ gia đình còn có ý kiến không đồng ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ để đối thoại về chính sách bồi thường, hỗ trợ. Kết quả, gia đình vắng mặt, không có lý do.

Ngày 04/12/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã thẩm định và nhất trí thông qua phương án đã được niêm yết công khai. Trong đó có dự thảo phương án của hộ gia đình ông Lưu Danh H,

Ngày 13/12/2018, UBND quận N có Quyết định số 6272/QĐ- UBND và Quyết định số 6276/QĐ-UBND.

UBND quận N, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Việc ông Lưu Danh H khởi kiện đề nghị hủy bỏ Quyết định số 6272/QĐ-UBND và Quyết định số 6276/QĐ-UBND là không có cơ sở. Kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết theo quy định.

UBND phường M: Không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định của UBND quận N. Đề nghị UBND quận N bồi thường, hỗ trợ GPMB cho gia đình chúng tôi theo đúng quy định pháp luật.

Luật sư: Việc UBND quận N xác định hộ gia đình ông H phải trả ra diện tích 205m² (2.702m² x 7,6%) vào quỹ đất công ích, trong đó có 156m² thuộc một phần thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 và 49m² đất nông nghiệp công ích thuộc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 13, do UBND phường quản lý đã bị thu hồi và đã được bồi thường, hỗ trợ tại dự án Khu L là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các Quyết định của UBND quận N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. Tuy nhiên, vụ án đã trễ quá thời hạn chuẩn bị xét xử nên rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Việc UBND quận N ban hành Quyết định số 6272/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 và Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Cho nên, không có cơ sở để hủy các Quyết định.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 LTTHC, Luật đất đai năm 2013, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông H.
- Về án phí: Ông H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Việc ông H có đơn khởi kiện đề nghị: Hủy Quyết định số 6272/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 và Hủy Quyết định số 6276/QĐ-

UBND ngày 13/12/2018; đây là quyết định Hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND phường M và các đương sự khác vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử vắng mặt.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/6/2019 ông H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, việc khởi kiện của ông H được xác định trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Khi xem xét Quyết định khởi kiện, Hội đồng xét xử còn phải xem xét các Quyết định liên quan khác theo khoản 1 Điều 6 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Quyết định số 6272/QĐ-UBND:

Ngày 31/12/2014 Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 4019/QĐ-BTP về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng công trình Trụ sở. Đây là dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước đã được UBND cấp tỉnh chấp thuận thuộc trường hợp thu hồi đất theo Điều 62, Luật Đất đai năm 2013; phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hàng năm quận N, đã được UBND Thành phố phê duyệt tại các Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 29/01/2015; số Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 19/4/2016; số Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 và số Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 10/01/2018; Tiến độ thực hiện dự án: 2014 – 2021 theo Quyết định số 2870/QĐ- BTP ngày 23/11/2018 của Bộ Tư pháp. Như vậy, dự án này đủ điều kiện thu hồi đất theo điều 63, Luật Đất đai năm 2013.

UBND quận N ban hành Quyết định số 6272/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật. Việc ông H đề nghị hủy Quyết định 6272/QĐ-UBND là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[2.2] Xét Quyết định số 6276/QĐ-UBND:

Về phương án giao đất theo Nghị định 64/CP chung toàn xã M như trình bày trên được UBND quận N là có cơ sở. Việc rút bớt 7,6% diện tích đất nông nghiệp của các hộ có ruộng ở thời điểm triển khai Nghị định 64/CP (01/4/1999), (kể cả các hộ có diện tích do Nhà nước thu hồi đất, khi nhận tiền đền bù cũng thống nhất trả lại tiền 7,6% diện tích) để trả bù các hộ có diện tích đất nông nghiệp nằm trong quỹ đất không giao, đất công ích, đất giãn dân theo quy hoạch đã được Thành phố phê duyệt là có căn cứ vì đã giao đất quá hạn mức cho nhân dân tại địa phương là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Về việc sử dụng đất của hộ gia đình ông Lưu Danh H:

Phương án giao đất theo Nghị định 64/CP năm 2000 của hộ gia đình ông Lưu Danh H được UBND quận N trình bày nêu trên. Hộ gia đình ông Lưu Danh H sử dụng

326m² đất thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 từ thời điểm khoán 100 nhưng không được UBND xã M xét duyệt, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nằm trong quy hoạch đất công ích. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã M trước đây (đã được UBND huyện T phê duyệt), hộ gia đình phải trả ra diện tích 205m² (2.702m x 7,6%) vào quỹ đất công ích, trong đó có 156m² thuộc một phần thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 và 49m² đất nông nghiệp công ích thuộc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 13, do UBND phường quản lý đã bị thu hồi và đã được bồi thường, hỗ trợ tại dự án Khu L là có cơ sở.

Diện tích 156m² đất trong tổng số 326m² đất thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 được rút vào quỹ đất công ích; còn lại 170m² (326m² - 156m²) hộ gia đình được lấy về để đảm bảo đủ diện tích được lấy về là 672m² (*Sổ quản lý đất công do UBND xã M thống kê, lập năm 2013 hiện lưu tại UBND phường M cũng thể hiện diện tích 156m² thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 13 là diện tích đất UBND xã chưa ký hợp đồng cho thuê*), đa số phần đất nông nghiệp công ích phân tán nhỏ lẻ nên UBND xã M không tổ chức ký hợp đồng thuê đất, đấu thầu sử dụng đất đối với các hộ gia đình sử dụng phần diện tích đất nông nghiệp công ích rút bù này. Các hộ gia đình vẫn trực tiếp sử dụng từ thời điểm kê khai đến nay; UBND xã M trước đây (nay là UBND phường M, M) theo dõi, quản lý trên cơ sở hồ sơ giao đất như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định 64/CP, sổ quản lý đất công do UBND xã quản lý, bảng kê việc sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định 64/CP là phù hợp.

Trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng:

Căn cứ số liệu điều tra tại Biên bản điều tra và Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội đã lập dự thảo phương án đối với hộ gia đình ông Lưu Danh H để thẩm tra dự thảo phương án theo quy định.

Việc UBND quận N khấu trừ 7,6% đất nông nghiệp công ích của hộ gia đình ông Lưu Danh H là phù hợp với quy định pháp luật nên tòa chấp nhận.

Ngày 13/12/2018, UBND quận N có Quyết định số 6276/QĐ-UBND là đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật

Việc ông Lưu Danh H khởi kiện đề nghị hủy bỏ Quyết định số 6276/QĐ-UBND là không có cơ sở. Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 6276/QĐ-UBND của ông H.

Các trình bày và các ý kiến của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền, luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;
- Luật Đất đai 2013;
- Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.
- Quyết định của UBND Thành phố: số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xử:

1. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Danh H.
2. Về án phí: Ông Lưu Danh H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKS ND TP Hà Nội;
- Các bên đương sự;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Lưu: VT, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN NGỌC HÒA